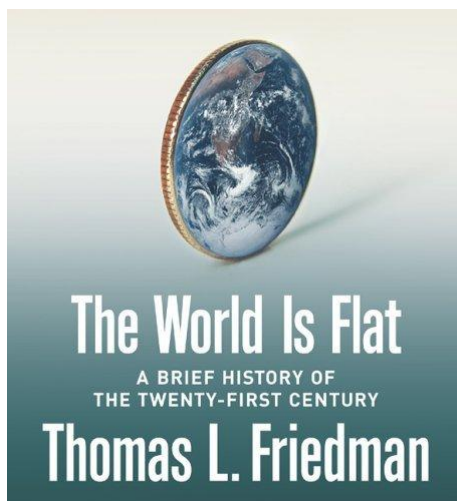


Chính sách phát triển

Bài giảng 7

Cuộc cách mạng kinh doanh toàn cầu



Giai thoại phát
triển:
Thế giới
phẳng?

50 công ty lớn nhất thế giới 2011

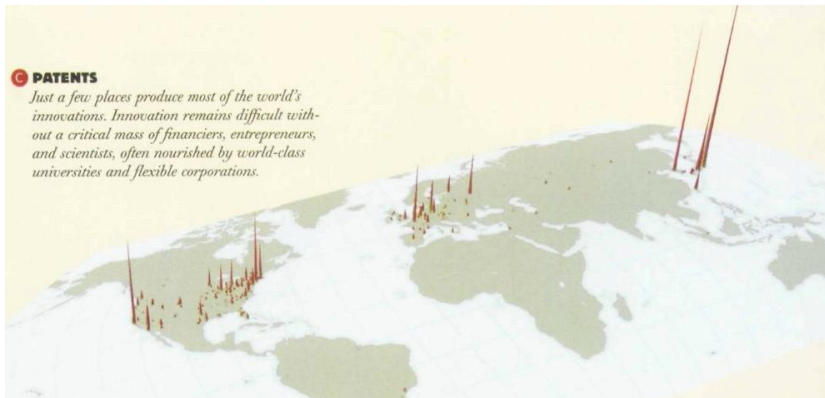


Source: <http://money.cnn.com/magazines/fortune/global500/2011/maps/top50.html>

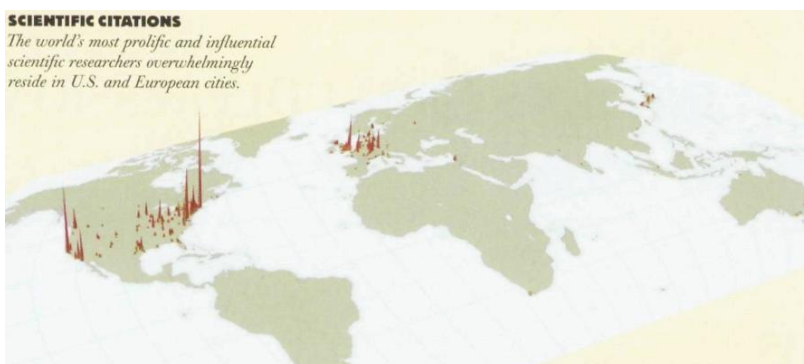
Những phi vụ M&A lớn trong ngành dược

Năm	Công ty mua	Mục tiêu	Giá trị
1996	Ciba-Geigy	Sandoz	\$36 tỉ
1997	Roche	Boehringer Mannheim	\$11 tỉ
1999	Astra	Zeneca	\$37 tỉ
2000	Pfizer	Warner-Lambert	\$90 tỉ
2000	Glaxo-Wellcome	SmithKline-Beecham	\$85 tỉ
2001	Johnson and Johnson	Alza	\$12 tỉ
2003	Pfizer	Pharmacia	\$60 tỉ
2004	Sanofi	Aventis	\$82 tỉ
2006	Bayer	Schering	\$25 tỉ
2007	Astra-Zeneca	Medlumme	\$16 tỉ
2009	Roche	Genentech	\$47 tỉ
2009	Pfizer	Wyeth	\$68 tỉ
2009	Merck	Schering-Plough	\$41 tỉ

Bằng phát minh: Thế giới không phẳng



Nghiên cứu khoa học: thế giới cũng không phẳng



10 công ty hàng đầu về R&D, 2009

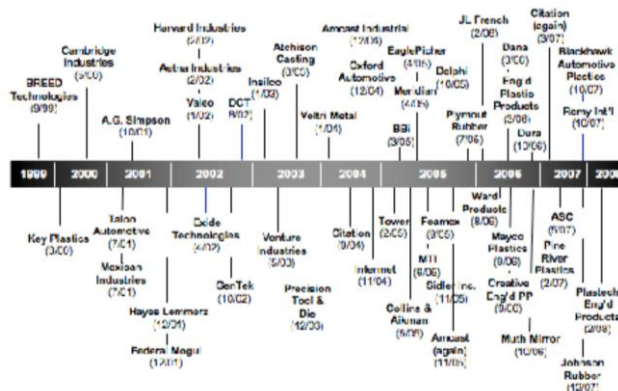
	R&D (USD billions) (A)	Revenues (USD billions) (B)	A/B
1. Roche (Switzerland)	9.2	44.3	21%
2. Microsoft (U.S.)	9.0	60.4	15%
3. Nokia (Finland)	8.2	57.0	14%
4. Toyota (Japan)	7.8	204.4	4%
5. Pfizer (U.S.)	7.7	48.3	16%
6. Novartis (Switzerland)	7.5	41.5	18%
7. Johnson and Johnson (U.S.)	7.0	63.7	11%
8. Sanofi-Aventis (France)	6.3	42.2	15%
9. GlaxoSmithKline (UK)	6.2	44.7	14%
10. Samsung (Korea)	6.0	110.4	5%

10 công ty hàng đầu về lắp ráp ô tô

Company	TOTAL	CARS	LCV	HCV	BUS	Share
VOLKSWAGEN-SUZUKI	10,329,539	9,719,497	610,042			14%
TOYOTA	8,557,351	7,267,535	1,080,357	204,282	5,177	12%
G.M.	8,476,192	6,266,959	2,197,629	1,175	10,429	11%
NISSAN-RENAULT	6,698,448	5,538,002	1,089,243	71,203		9%
HYUNDAI	5,764,918	5,247,339	393,701	123,878		8%
FORD	4,988,031	2,958,507	1,962,734	66,790		7%
FIAT-CHRYSLER	3,988,509	2,121,590	1,730,741	97,937	38,241	5%
HONDA	3,643,057	3,592,113	50,944			5%
PSA	3,605,524	3,214,810	390,714			5%
DAIMLER	1,940,465	1,351,372	221,239	306,903	60,951	3%

Source: International Organization of Motor Vehicle Manufacturers, www.ioca.net

Các vụ phá sản của doanh nghiệp sản xuất linh kiện ô tô, 1999-2008



Source: Sturgeon et al (2009) "Globalization of the automotive industry," *International Journal of Technological Learning and Development*, 2:1, 7-24.

Công ty Trung Quốc mua mảng kinh doanh PC của IBM

BBC News thứ tư, ngày 8/12/2004, 16:35 GMT

IBM, nhà tiên phong trong lĩnh vực máy tính cá nhân đang bán bộ phận phần cứng PC của mình cho nhà sản xuất máy tính số một Trung Quốc là Lenovo. Sau một thời gian đồn đại, thương vụ này được công bố ở mức \$1,75 tỉ (£900 triệu) giúp sự phối hợp vận hành này trở thành nhà cung cấp PC lớn thứ ba trên thế giới. Lenovo, trước đây là Legend, đã nỗ lực để đưa thương hiệu ra quốc tế. Trong khi IBM sẽ tự do hơn để tập trung vào những mảng kinh doanh béo bở hơn.



BBC News 4 March 2011. Last updated at 00:04 GMT

Volvo tìm cách xác định lại thiết kế hạng sang và mang phong cách Scandinavi



Thoát khỏi sự can thiệp từ Ford, công ty mẹ trước đây, và được hậu thuẫn bằng chương trình đầu tư nhiều tỉ đô-la, CEO của Tập đoàn ô tô Volvo Stefan Jacoby sẵn sàng tái phát minh lại thương hiệu Thụy Điển.

Đầu tư khổng lồ

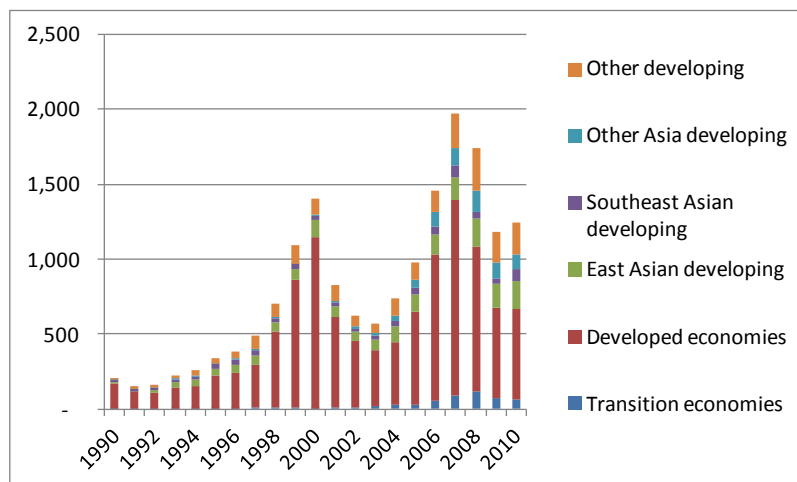
Những bản tán như vậy có thể mơ hồ, nhưng không khi kế hoạch của ông Jacoby được hậu thuẫn bằng chương trình đầu tư hoành tráng 11 tỉ đô-la trong 5 năm tới. Khoản đầu tư vượt xa cái giá 1,8 tỉ mà nhà sản xuất ô tô Trung Quốc Geely trả cho Volvo khi Ford bán đi thương hiệu này mùa xuân vừa rồi.

Tăng trưởng ở Trung Quốc

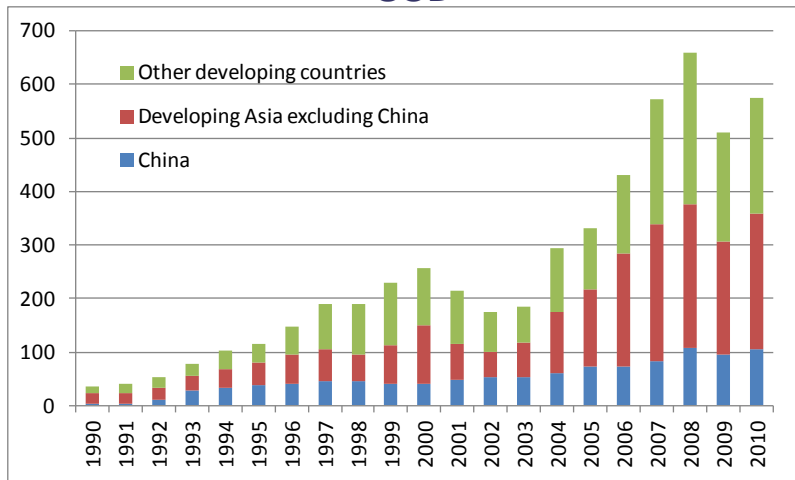
Volvo nhắm đến doanh số 800.000 một năm trên toàn thế giới đến năm 2020. Phần lớn sẽ được sản xuất ở Trung Quốc, nơi Volvo đang hình thành cả năng lực nghiên cứu lẫn phát triển cũng như nhà máy sản xuất ở Thượng Hải, sẽ khởi công và đi vào hoạt động trong một hoặc hai năm tới.

“Chúng tôi đang tập trung vào dấu ấn công nghiệp của mình ở Trung Quốc” ông Jacoby nói dù hơi vội vàng thêm vào “đó là tăng công suất nhờ nhu cầu ở Trung Quốc”, thay vì là sự chuyển dịch khỏi châu Âu nơi họ cũng đang mở rộng.

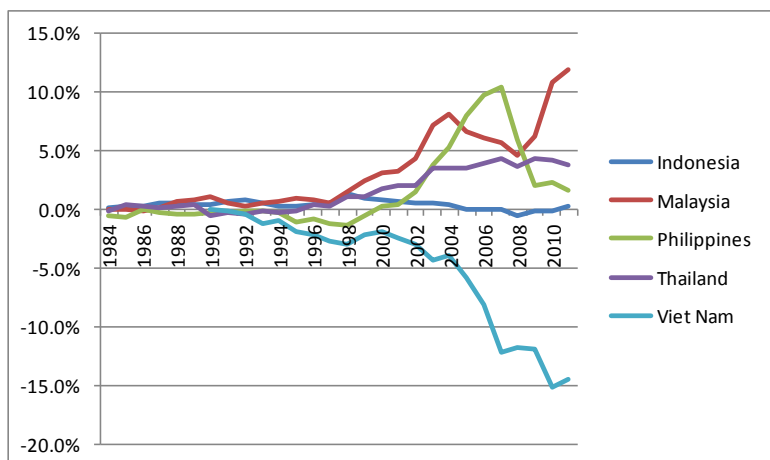
FDI toàn cầu, tỉ USD



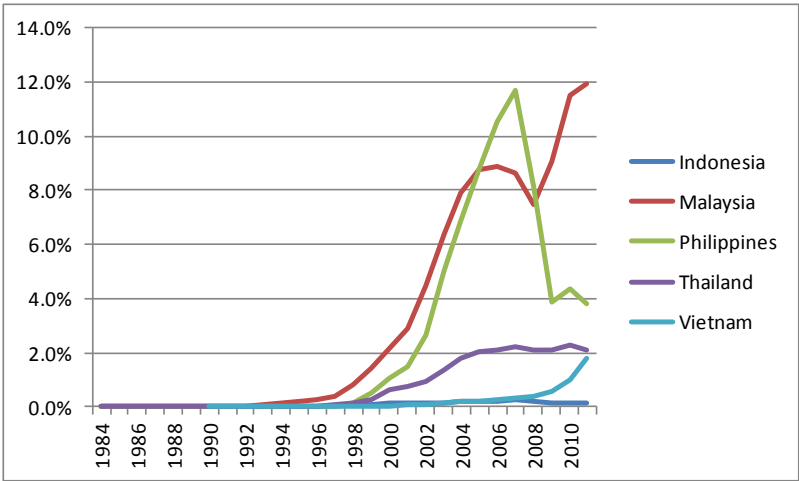
FDI đến các nước đang phát triển, tỉ USD



Cán cân thương mại với Trung Quốc (tỉ USD)



Xuất khẩu máy móc thiết bị điện tử sang Trung Quốc (tỉ USD)



Bảng một đại học ngành khoa học và công nghệ (2006)

	% KHCN	Thiết kế theo % KHCN
China	52.8%	63.1%
India (1990)	23.5%	16.5%
Japan	62.7%	27.6%
Philippines (2004)	24.7%	52.2%
Singapore (2007)	50.9%	76.7%
South Korea	43.0%	59.0%
Taiwan	40.8%	53.6%
European Union	34.4%	36.6%
North/Central America	30.9%	20.8%
Canada	33.3%	21.0%
Costa Rica	27.3%	33.0%
United States	31.9%	14.2%
South America	20.2%	40.5%
Australia	29.0%	24.8%

Tỉ trọng thế giới về công trình khoa học đăng tải

Lãnh thổ/quốc gia	2001	2006
Châu Á (trừ Japan)	9.4	14.8
Trung Quốc	3.6	7.0
ASEAN	0.7	1.0
Latin America	2.6	3.2
Châu Phi	1.2	1.2
Trung cận Đông	0.5	0.8
Các nước đang phát triển	13.7	20.0

Source: Jacques Gaillard (2010) “Measuring Research and Development in Developing Countries,” *Science, Technology and Society*, 15:1, 77-111.